

Bản án số: 24/2021/DS - ST.

Ngày: 31 - 3 - 2021.

V/v “Tranh chấp hợp đồng góp hội”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Quyết Chiến;

2. Ông Thạch Thanh Tâm.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2020/TLST-DS ngày 08/10/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hội”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2021/QĐXXST - DS, ngày 01 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Lệ T, sinh năm 1971; địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Ngọc B (tên gọi khác: Nguyễn Thanh T), sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện lập ngày 03/9/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Lệ T trình bày:* Bà Trần Lệ T có tham gia 09 dây hội (chung hội) do bà Nguyễn Ngọc B làm chủ hội, cụ thể như sau:

Dây hội thứ nhất: Hội mở ngày 25/9/2018 âm lịch, loại hội 2.000.000đồng /chung, một tháng khai một lần, gồm 22 phần hội, trong dây hội này bà T tham gia 01 phần. Đến ngày 25/5/2020 hội mãn, số tiền bà T hốt được là 41.000.000đồng nhưng bà B chưa giao số tiền này cho bà T.

Dây hội thứ hai: Hội mở ngày 10/8/2018 âm lịch, loại hội 1.000.000đồng /chung, một tháng khai một lần, gồm 25 phần hội, trong dây hội này bà T tham gia 02 phần. Đến ngày 10/6/2020 hội mãn một phần, số tiền bà T hốt được là

22.500.000đồng và ngày 10/7/2020 là mẫn phần hụi còn lại, số tiền bà T hốt được là 22.500.000đồng nhưng bà B chưa giao số tiền này cho bà T tổng số tiền của 02 phần hụi này là 45.000.000đồng.

Dây hụi thứ ba: Hụi mở ngày 05/3/2019 âm lịch, loại hụi 2.000.000đồng /chung, một tháng khui một lần, gồm 25 phần hụi, trong dây hụi này bà T tham gia 01 phần hụi và đóng được 17 lần. Đến ngày 25/6/2020 âm lịch bà B tuyên bố không khui hụi nữa. Tổng số tiền hụi bà B còn nợ bà T trong dây hụi này (sau khi trừ tiền huê hồng cho chủ hụi 1.000.000đồng) là 33.000.000đồng.

Dây hụi thứ tư: Hụi mở ngày 05/4/2019 âm lịch, loại hụi 1.000.000đồng /chung, một tháng khui một lần, gồm 23 phần hụi, trong dây hụi này bà T tham gia 02 phần hụi đóng được 16 lần. Đến ngày 25/6/2020 âm lịch bà B tuyên bố không khui hụi nữa. Tổng số tiền hụi bà B còn nợ bà T trong 02 phần hụi này (sau khi trừ tiền huê hồng cho chủ hụi 1.000.000đồng) là 31.000.000đồng.

Dây hụi thứ năm: Hụi mở ngày 10/6/2019 âm lịch, loại hụi 2.000.000đồng /chung, một tháng khui một lần, gồm 25 phần hụi, trong dây hụi này bà T tham gia 01 phần hụi đóng được 14 lần. Đến ngày 29/6/2020 âm lịch bà B tuyên bố không khui hụi nữa. Tổng số tiền hụi bà B còn nợ bà T trong dây hụi này (sau khi trừ tiền huê hồng cho chủ hụi 1.000.000đồng) là 27.000.000đồng;

Dây hụi thứ sáu: Hụi mở ngày 15/8/2019 âm lịch, loại hụi 2.000.000đồng /chung, một tháng khui một lần, gồm 22 phần hụi, trong dây hụi này bà T tham gia 01 phần hụi đóng được 12 lần. Đến ngày 29/6/2020 âm lịch bà B tuyên bố không khui hụi nữa. Tổng số tiền hụi bà B còn nợ bà T trong dây hụi này (sau khi trừ tiền huê hồng cho chủ hụi 1.000.000đồng) là 23.000.000đồng;

Dây hụi thứ bảy: Hụi mở ngày 20/8/2019 âm lịch, loại hụi 2.000.000đồng /chung, một tháng khui một lần, gồm 22 phần hụi, trong dây hụi này bà T tham gia 01 phần hụi đóng được 12 lần. Đến ngày 29/6/2020 âm lịch bà B tuyên bố không khui hụi nữa. Tổng số tiền hụi bà B còn nợ bà T trong dây hụi này (sau khi trừ tiền huê hồng cho chủ hụi 1.000.000đồng) là 23.000.000đồng;

Dây hụi thứ tám: Hụi mở ngày 25/12/2018 âm lịch, loại hụi 1.000.000đồng /chung, một tháng khui một lần, gồm 23 phần hụi, trong dây hụi này bà T tham gia 01 phần hụi đóng được 20 lần. Đến ngày 29/6/2020 âm lịch bà B tuyên bố không khui hụi nữa. Tổng số tiền hụi bà B còn nợ bà T trong dây hụi này (sau khi trừ tiền huê hồng cho chủ hụi 500.000đồng) là 19.500.000đồng;

Dây hụi thứ chín: Hụi mở ngày 30/02/2019 âm lịch, loại hụi 3.000.000đồng /chung, bốn tháng khui một lần, gồm 18 phần hụi, trong dây hụi này bà T tham gia 01 phần hụi đóng được 04 lần. Đến ngày 29/6/2020 âm lịch bà B tuyên bố không khui hụi nữa. Tổng số tiền hụi bà B còn nợ bà T trong dây hụi này là 12.000.000đồng

Tổng số tiền hụi hiện nay bà B còn nợ bà T là 254.500.000đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bà Nguyễn Ngọc B có trách nhiệm trả số tiền nợ hụi là 254.500.000đồng (Hai trăm năm mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng) cho bà Trần Lệ T. Nguyên đơn bà T

khẳng định chỉ yêu cầu bà B có nghĩa vụ trả số tiền này cho bà, không yêu cầu ai khác cùng có nghĩa vụ với bà B trả số tiền này.

- *Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 20 tháng 10 năm 2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Ngọc B trình bày:* Thống nhất theo lời trình bày của nguyên đơn về việc bà B có đứng ra làm chủ hội 09 dây hội theo các hợp đồng góp hội như nội dung khởi kiện của bà Trần Lệ T là đúng. Hiện nay tổng số tiền hội bà còn nợ bà T là 254.500.000đồng (Hai trăm năm mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Đối với số tiền nợ hội này bà đồng ý có trách nhiệm trả cho bà T, tuy nhiên hiện nay hoàn cảnh bà đang gặp khó khăn về vấn đề kinh tế nên bà xin được trả dần số tiền nợ hội này cho bà T với phương thức mỗi tháng trả 1.000.000đồng cho đến khi hết nợ.

- Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 18, Điều 23, khoản 1 Điều 25 Nghị định số 19/2019/NĐ – CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về họ, hội, biểu, phường chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn số tiền hội là 254.500.000đồng (Hai trăm năm mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện ngày 03/9/2020 nguyên đơn bà Trần Lệ T yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng góp hội với bị đơn là bà Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1946; địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định pháp luật về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Lệ T, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà T và bị đơn bà B đều thống nhất xác định bà T có tham gia 09 dây hội (chung hội) do bà B làm chủ hội, cụ thể: Dây hội thứ nhất: Hội mở ngày 25/9/2018 âm lịch, loại hội 2.000.000đồng/chung, một tháng khai một lần, gồm 22 phần hội, trong dây hội này bà T tham gia 01 phần. Đến ngày 25/5/2020 hội mãn, số tiền bà T hốt được là 41.000.000đồng nhưng bà B chưa giao số tiền này cho bà T; Dây hội thứ hai: Hội mở ngày 10/8/2018 âm lịch, loại hội 1.000.000đồng/chung, một tháng khai một lần, gồm 25 phần hội, trong dây

hụi này bà T tham gia 02 phần. Đến ngày 10/6/2020 hụi mãn một phần, số tiền bà T hốt được là 22.500.000đồng và ngày 10/7/2020 là mãn phần hụi còn lại, số tiền bà T hốt được là 22.500.000đồng nhưng bà B chưa giao số tiền này cho bà T tổng số tiền của 02 phần hụi này là 45.000.000đồng; Dây hụi thứ ba: Hụi mở ngày 05/3/2019 âm lịch, loại hụi 2.000.000đồng/chung, một tháng khui một lần, gồm 25 phần hụi, trong dây hụi này bà T tham gia 01 phần hụi và đóng được 17 lần. Đến ngày 25/6/2020 âm lịch bà B tuyên bố không khui hụi nữa. Tổng số tiền hụi bà B còn nợ bà T trong dây hụi này (sau khi trừ tiền huê hồng cho chủ hụi 1.000.000đồng) là 33.000.000đồng; Dây hụi thứ tư: Hụi mở ngày 05/4/2019 âm lịch, loại hụi 1.000.000đồng/chung, một tháng khui một lần, gồm 23 phần hụi, trong dây hụi này bà T tham gia 02 phần hụi đóng được 16 lần. Đến ngày 25/6/2020 âm lịch bà B tuyên bố không khui hụi nữa. Tổng số tiền hụi bà B còn nợ bà T trong 02 phần hụi này (sau khi trừ tiền huê hồng cho chủ hụi 1.000.000đồng) là 31.000.000đồng; Dây hụi thứ năm: Hụi mở ngày 10/6/2019 âm lịch, loại hụi 2.000.000đồng/chung, một tháng khui một lần, gồm 25 phần hụi, trong dây hụi này bà T tham gia 01 phần hụi đóng được 14 lần. Đến ngày 29/6/2020 âm lịch bà B tuyên bố không khui hụi nữa. Tổng số tiền hụi bà B còn nợ bà T trong dây hụi này (sau khi trừ tiền huê hồng cho chủ hụi 1.000.000đồng) là 27.000.000đồng; Dây hụi thứ sáu: Hụi mở ngày 15/8/2019 âm lịch, loại hụi 2.000.000đồng/chung, một tháng khui một lần, gồm 22 phần hụi, trong dây hụi này bà T tham gia 01 phần hụi đóng được 12 lần. Đến ngày 29/6/2020 âm lịch bà B tuyên bố không khui hụi nữa. Tổng số tiền hụi bà B còn nợ bà T trong dây hụi này (sau khi trừ tiền huê hồng cho chủ hụi 1.000.000đồng) là 23.000.000đồng; Dây hụi thứ bảy: Hụi mở ngày 20/8/2019 âm lịch, loại hụi 2.000.000đồng/chung, một tháng khui một lần, gồm 22 phần hụi, trong dây hụi này bà T tham gia 01 phần hụi đóng được 12 lần. Đến ngày 29/6/2020 âm lịch bà B tuyên bố không khui hụi nữa. Tổng số tiền hụi bà B còn nợ bà T trong dây hụi này (sau khi trừ tiền huê hồng cho chủ hụi 1.000.000đồng) là 23.000.000đồng; Dây hụi thứ tám: Hụi mở ngày 25/12/2018 âm lịch, loại hụi 1.000.000đồng/chung, một tháng khui một lần, gồm 23 phần hụi, trong dây hụi này bà T tham gia 01 phần hụi đóng được 20 lần. Đến ngày 29/6/2020 âm lịch bà B tuyên bố không khui hụi nữa. Tổng số tiền hụi bà B còn nợ bà T trong dây hụi này (sau khi trừ tiền huê hồng cho chủ hụi 500.000đồng) là 19.500.000đồng; Dây hụi thứ chín: Hụi mở ngày 30/02/2019 âm lịch, loại hụi 3.000.000đồng/chung, bốn tháng khui một lần, gồm 18 phần hụi, trong dây hụi này bà T tham gia 01 phần hụi đóng được 04 lần. Đến ngày 29/6/2020 âm lịch bà B tuyên bố không khui hụi nữa. Tổng số tiền hụi bà B còn nợ bà T trong dây hụi này là 12.000.000đồng. Tổng số tiền hụi hiện nay bà B còn nợ bà T là 254.500.000đồng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các tình tiết nêu trên là tình tiết không phải chứng minh trong vụ án nên Hội đồng xét xử khẳng định việc giao kết hợp đồng góp hụi giữa bà T và bà B là có thật, hiện nay bà B còn nợ bà T số tiền nợ hụi là 254.500.000đồng (Hai trăm năm mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

[4] Xét về hợp đồng góp hụi giữa bà T và bà B thì tại thời điểm xác lập hợp đồng các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, các bên tự nguyện giao kết hợp đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 117,

Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 7, 8, khoản 2 Điều 15, Điều 18, Điều 23, khoản 1 Điều 25 Nghị định số 19/2019/NĐ – CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về họ, họ, biểu, phường nên các bên phải thực hiện đúng nghĩa vụ theo thỏa thuận. Do bà B tự ý tuyên bố ngưng mở hội đối với các dây hội trên vào ngày 29/6/2020 âm lịch, do đó bà B đã vi phạm thỏa thuận nên việc bà T yêu cầu bà B hoàn trả số tiền hội là 254.500.000đồng (Hai trăm năm mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[5] Đối với việc bị đơn bà Nguyễn Ngọc B yêu cầu được trả dần số tiền nợ hội là 254.500.000đồng (Hai trăm năm mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng) với phương thức mỗi tháng trả 1.000.000đồng cho đến khi hết nợ cho Trần. Nguyên đơn không đồng ý và yêu cầu bị đơn trả đủ một lần số tiền nợ này nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn bà Nguyễn Ngọc B phải chịu 12.725.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn Trần Lệ T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117, khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468, Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 7, 8, khoản 2 Điều 15, Điều 18, Điều 23, khoản 1 Điều 25 Nghị định số 19/2019/NĐ – CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về họ, họ, biểu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

[2] Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Lệ T buộc bị đơn bà Nguyễn Ngọc B (tên gọi khác: Nguyễn Thanh Thúy) có nghĩa vụ hoàn trả cho bà T số tiền nợ hội là 254.500.000đồng (Hai trăm năm mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Trần Lệ T có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Nguyễn Ngọc B phải trả lãi cho bà T đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trần Lệ T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.362.500đồng (Sáu triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007162 ngày 23 tháng 9 năm 2020 của

Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Bị đơn bà Nguyễn Ngọc B phải chịu 12.725.000đồng (Mười hai triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền giao kết thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng (P Kiểm tra nghiệp vụ và Thi hành án);
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Bảo